TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ THẮNG VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thượng;

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc– Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2018/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp HP, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp HP, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Chị H, anh T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 01 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh T sống chung với nhau năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ngày 29-3-2010, hôn nhân tự nguyện; trong thời gian chung sống anh T thường xuyên đánh bạc, bỏ bê công việc làm ăn, không chăm lo cho gia đình, chị đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây gỗ, cải vả nhau nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 01-2018 đến nay, nay chị nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung được nữa nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 04 người con tên Nguyễn Thị H1, sinh ngày 21-4-1998; Nguyễn Thị N, sinh ngày 15-4-2000; Nguyễn Thị G, sinh ngày 30-9-2003 và Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 09-3-2010, hiện cháu Giang, cháu T đang sống chung nhà với anh T. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu G và cháu T, không yêu cầu anh T phải đóng góp nuôi con với chị. Riêng cháu H1 và cháu N đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Lời khai tại các biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân; anh đồng ý do anh mà dẫn đến gia đình anh phải sống xa nhau như hiện nay, nhưng đối với công việc làm ăn và chăm lo gia đình thì anh không có bỏ bê như chị H trình bày. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Anh thống nhất vợ, chồng có 04 người con, họ tên, ngày tháng, năm sinh và các cháu hiện đang sống ổn định như chị H trình bày, nếu phải ly hôn anh đồng ý giao cháu G và cháu T cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; riêng cháu H1 và cháu N đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H yêu cầu ly hôn; yêu cầu nuôi con chung là cháu Giang, cháu T và yêu cầu anh T phải đóng góp nuôi 02 cháu cùng chị mỗi tháng 1.400.000 đồng; tài sản cung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Anh T không đồng ý ly hôn; nếu phải ly hôn anh yêu cầu nuôi con chung là cháu G, cháu T và yêu cầu chị H phải đóng góp nuôi 02 cháu cùng anh mỗi tháng 1.400.000 đồng; tài sản cung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Văn T;

- Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị G, sinh ngày 30-9-2003 và cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 09-3-2010 cho chị H tiếp tục

trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Buộc anh T phải phải đóng góp cùng chị nuôi 02 cháu mỗi tháng 1.400.000 đồng cho đến khi cháu G, cháu T thành niên (đủ 18 tuổi); riêng cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 21-4-1998 và cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 15-4-2000 đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân, chị H và anh T không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị H, anh T không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1997, hôn nhân giữa anh, chị là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án anh T không đồng ý ly hôn với chị H với lý do còn thương vợ, thương con, tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh T thừa nhận từ khi sống chung, anh và chị H có xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do anh có lỗi với chị H và các con; vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay nên Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chung sống giữa chị H và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân giữa anh, chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, do đó chị H yêu cầu ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Văn T.

[2] Về nuôi con chung: Chị H và anh T có 04 người con tên Nguyễn Thị H1, sinh ngày 21-4-1998; Nguyễn Thị N, sinh ngày 15-4-2000; Nguyễn Thị G, sinh ngày 30-9-2003 và Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 09-3-2010, hiện nay cháu G và cháu T đang sống chung nhà với anh T. Xét yêu cầu được quyền nuôi cháu G và cháu T của chị H thấy rằng, hiện nay chị H đang có công việc ổn định, anh T thì không có công việc ổn định và bị bệnh thoát vị đĩa đệm; mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án cháu G và cháu T có nguyện vọng muốn sống chung với chị H, do đó căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu G và cháu T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Tại phiên tòa chị H yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ đóng góp nuôi cháu G và cháu T mỗi tháng 1.400.000 đồng nhưng anh T không đồng ý, Hội đồng xét xử xét thấy rằng, nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chưa thành niên là trách nhiệm của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con được quy định tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chị H yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ đóng góp cùng chị nuôi cháu G và cháu T là có căn cứ. Do đó cần buộc anh T phải có nghĩa vụ đóng góp

cùng chị H nuôi cháu G và cháu T mỗi tháng 1.400.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 21-4-1998 và cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 15-4-2000 đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân chị H, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị H, anh T không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị G, sinh ngày 30-9-2003 và Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 09-3-2010 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Buộc anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ đóng góp nuôi cháu G và cháu T cùng với chị H mỗi tháng số tiền 1.400.000 (một triệu, bốn trăm nghìn) đồng, cho đến khi cháu G và cháu T thành niên (đủ 18 tuổi). Thời gian đóng góp (cấp dưỡng) được tính từ ngày tuyên án.

Ghi nhận cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 21-4-1998 và cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 15-4-2000 đã thành niên (đủ 18 tuổi) chị H, anh T không yêu cầu giải quyết.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhân chị H và anh T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0025086 ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, Tây Ninh; chị H đã

nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng nuôi con).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã TH;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc